TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'ĐRẮK** TỈNH ĐĂK LĂK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số : 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 11 - 2019
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Y Đo Niê; ông Nguyễn Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Văn Hoàng, thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk tham gia phiên tòa: ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Lê Thị X sinh năm 1990. Địa chỉ: thôn 8, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Có mặt.

- *Bị đơn:* ông Triệu Thanh H sinh năm 1992. Địa chỉ: thôn 8, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị X trình bày:

Bà X và ông Triệu Thanh H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã E ngày 09/12/2016. Sau khi kết hôn, bà X và ông H chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn (khoảng 4 tháng). Do tính cách, lối sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ngoài ra, bà X với bố mẹ ông H cũng thường xảy ra xung đột. Vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, ông H đánh đập và đe dọa bà X nên ông bà đã không chung sống với nhau từ tháng 6 năm 2018 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà X không thể tiếp tục chung sống với ông H được nữa. Bà X yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Triệu Thanh H .

Về con chung: bà X và ông H có 01 con chung là Triệu Lê Diễm T sinh ngày 22/01/2018, hiện nay bà X đang trực tiếp nuôi con. Khi ly hôn, bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung của vợ chồng: theo đơn khởi kiện, bà X yêu cầu ông H phải trả nợ trong thời kỳ hôn nhân, nhưng bà X đã có đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu giải quyết .

*Theo bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn ông Triệu Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, ông H thống nhất với lời trình bày của bà X. Do mâu thuẫn vợ chồng, ông H và bà X không chung sống với nhau hơn một năm nay. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với nhau, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông H được ly hôn với bà X.

Về con chung: ông H và bà X có 01 con chung là Triệu Lê Diễm T sinh ngày 22/01/2018. Ông H không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà X vì ông H làm công an viên tại UBND xã E, mức lương thực nhận 1.326.100 đồng/tháng, không đảm bảo việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà X. Ông H chỉ có khả năng cấp dưỡng nuôi con cho bà X từ 250.000đồng đến 300.000đồng/tháng. Nếu bà X không nuôi con được thì ông H trực tiếp nuôi con, ông H không yêu cầu bà X phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: tại buổi hòa giải ngày 08/8/2019, ông H đã viết giấy cam kết trả cho bà X 21.000.000 đồng, nhưng nay bà X yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con, sau này ông H và bà X tranh chấp, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị HĐXX: chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà X và ông H ; giao con chung Triệu Lê Diễm T cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng, ông H phải cấp dưỡng nuôi con cho bà X 1.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết:

Bà Lê Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Triệu Thanh H , nuôi con khi ly hôn. Quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông H có nơi cư trú tại thôn 8, xã E, huyện M'Đrăk, tỉnh Đăk Lăk, Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk theo quy định tại điểm a khoản

1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Ngày 08/8/2019 Tòa án đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, cụ thể với nội dung "ông H và bà X thuận tình ly hôn; bà X nuôi con Triệu Lê Diễm Thư sinh ngày 22/01/2018". Ngày 11/8/2019, bà X thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận, cụ thể bà X yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con cho bà X mỗi tháng là 2.000.000đồng, nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Lê Thị X có đơn xin rút phần yêu cầu khởi kiện về vấn đề tài sản. Áp dụng Điều 244 BLTTDS, HĐXX đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn bà X về chia tài sản chung của vợ chồng. Nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà X và ông H tự nguyện kết hôn với nhau, ngày 09/12/2016 ông bà đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã E. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình chung sống, do tính cách không hợp nhau, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và bà X mâu thuẫn với bố mẹ chồng. Do mâu thuẫn trầm trọng, bà X và ông H đã không còn chung sống với nhau trong thời gian dài. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, Tòa án cũng đã lập biên bản thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa bà X và ông H . Tại phiên tòa, ông H và bà X vẫn yêu cầu HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn. Xét thấy bà X và ông H không thể tiếp tục chung sống với nhau, yêu cầu của ông bà là phù hợp với pháp luật. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, HĐXX cần chấp nhận công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà X và ông H .

[2.2] Về nuôi con chung: bà X và ông H có 01 con chung là Triệu Lê Diễm T sinh ngày 22/01/2018. Cháu T dưới 36 tháng tuổi, căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần giao con cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, ông H không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Tại khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết"*. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng. Bà X yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng là cao so với thu nhập thực tế của ông H . Ông H là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, có mức thu nhập 1.326.000đồng/tháng (theo bảng nhận lương). Căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng và thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, HĐXX buộc ông H phải cấp dưỡng nuôi con cho bà X mỗi tháng là 750.000đồng (tương đương ½ mức lương cơ sở) đến khi con đủ 18 tuổi.

[3] Về án phí: bà X phải chịu 75.000 đồng tiền án phí dân sự về hôn nhân, gia đình; ông H phải chịu 75.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình không có giá ngạch và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp

dưỡng. Tuy nhiên, ông H là người dân tộc thiểu số (Tày) sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, ông H được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4, khoản 5 Điều 147, Điều 220, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị X và ông Triệu Thanh H .

2. Về con chung: Giao cho bà Lê Thị X trực tiếp nuôi con Triệu Lê Diễm T sinh ngày 22/01/2018, ông Triệu Thanh H phải cấp dưỡng nuôi con cho bà X mỗi tháng 750.000đồng kể từ khi bản án có hiệu lực đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị X về yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

4. Về án phí:

- Bà Lê Thị X phải chịu 75.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 1.249.000 đồng mà bà X đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0006211 ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrắk. Trả lại cho bà X 1.234.000 đồng.

- Ông Triệu Thanh H được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Thông báo quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hánh án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hàn án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thế Dương

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND huyện M'Đrắk;
-Chi cục T.H.A dân sự huyện M'Đrắk;
-UBND xã EaPil;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.